

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP CLIL TRONG GIẢNG DẠY TIẾNG TRUNG

Diệp Quế Thu

Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Phương pháp Dạy học tích hợp nội dung và ngôn ngữ (Content and Language Integrated Learning - CLIL) mở ra hướng đi hiệu quả trong giảng dạy tiếng Trung, kết hợp việc học ngôn ngữ với tiếp thu kiến thức chuyên môn. Bằng cách sử dụng các chủ đề học thuật làm nền tảng, CLIL giúp học viên phát triển khả năng ngôn ngữ một cách tự nhiên, đồng thời khuyến khích tư duy phản biện và sự chủ động trong học tập. Tuy nhiên, việc triển khai phương pháp này không tránh khỏi những thách thức như hạn chế về nguồn lực, năng lực giáo viên và việc giảng dạy nội dung phức tạp bằng tiếng Trung... Bài viết đề xuất các giải pháp nhằm vượt qua các thách thức trên, đảm bảo CLIL có thể phát huy tối đa hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Trung trong bối cảnh hiện đại.

Từ khóa: CLIL, Dạy học tích hợp, Giảng dạy tiếng Trung, Kỹ năng ngôn ngữ.

APPLICATION OF CLIL METHOD IN TEACHING CHINESE

Diep Que Thu

Ho Chi Minh City Open University

Abstract: The Content and Language Integrated Learning (CLIL) method offers an effective approach to teaching Chinese, integrating language acquisition with the learning of specialized content. By using academic topics as a foundation, CLIL facilitates the natural development of language skills while encouraging critical thinking and active learning. However, implementing this method faces challenges such as limited resources, teacher capacity, and the complexity of teaching advanced content in Chinese. This article proposes practical solutions to address these challenges, ensuring that CLIL can maximize its effectiveness and contribute to improving the quality of Chinese language teaching in the modern context.

Keywords: CLIL, Integrated Learning, Chinese Language Teaching, Language Skills.

Nhận bài: 11/12/2024

Phản biện: 01/01/2025

Duyệt đăng: 06/01/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Trung, ngày càng trở nên quan trọng. Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy truyền thống thường tách biệt giữa việc học ngôn ngữ và nội dung chuyên môn, dẫn đến hiệu quả học tập chưa cao. Để khắc phục hạn chế này, phương pháp CLIL đã được giới thiệu như một giải pháp tiềm năng. CLIL kết hợp việc giảng dạy ngôn ngữ với các môn học khác, giúp học viên phát triển đồng thời kỹ năng ngôn ngữ và kiến thức chuyên môn.

Theo nghiên cứu của Cao (2021), việc áp dụng CLIL trong các trường đại học Trung Quốc đã mang lại những kết quả tích cực, nâng cao khả năng ngôn ngữ và hiểu biết chuyên môn của sinh viên. Tuy nhiên, việc triển khai CLIL trong giảng dạy tiếng Trung vẫn đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm thiếu tài liệu phù hợp, giáo viên chưa được đào tạo đầy đủ và sự phức tạp trong việc tích hợp nội dung và ngôn ngữ...

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

Phương pháp CLIL là một cách tiếp cận kết hợp giảng dạy ngôn ngữ và nội dung học thuật, trong đó người học sử dụng ngôn ngữ thứ hai (L2) để học và hiểu một môn học cụ thể. Theo Coyle,

Hood và Marsh (2010), CLIL giúp người học phát triển đồng thời kỹ năng ngôn ngữ và kiến thức chuyên môn, tạo ra một môi trường học tập tích cực và toàn diện.

Meyer (2010) bổ sung rằng CLIL không chỉ dừng lại ở việc sử dụng ngôn ngữ để truyền đạt nội dung, mà còn khuyến khích người học tư duy phản biện và phát triển kỹ năng phân tích. Điều này được thực hiện thông qua việc lồng ghép các hoạt động học thuật thực tiễn, giúp người học vận dụng ngôn ngữ mục tiêu trong các tình huống đa dạng. Marsh (2002) nhấn mạnh rằng CLIL có tính linh hoạt cao, phù hợp để áp dụng trong nhiều cấp độ giáo dục và lĩnh vực khác nhau, từ tiểu học đến đại học và trong các môn học như khoa học, nghệ thuật hay lịch sử.

Phương pháp CLIL nổi bật với việc kết hợp hài hòa giữa học ngôn ngữ và tiếp nhận nội dung học thuật. Người học không chỉ phát triển ngôn ngữ thông qua các chủ đề thực tế mà còn nâng cao kiến thức chuyên môn. Đồng thời, CLIL khuyến khích tư duy phản biện qua các hoạt động như thảo luận, phân tích và trình bày, giúp người học phát triển tư duy logic và kỹ năng giải quyết vấn đề. Phương pháp này còn tạo điều kiện để người

học rèn luyện đồng thời cả bốn kỹ năng ngôn ngữ trong các tình huống thực tế. Với tính linh hoạt cao, CLIL có thể áp dụng ở nhiều cấp độ giáo dục và lĩnh vực học thuật khác nhau. Đặc biệt, CLIL đề cao vai trò chủ động của người học, thúc đẩy họ tham gia vào các hoạt động học tập tích cực, từ đó rèn luyện cả ngôn ngữ và tư duy độc lập, phù hợp với nhu cầu của thời đại.

III. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Lợi ích của việc ứng dụng CLIL trong giảng dạy tiếng Trung

Thứ nhất, nâng cao kỹ năng ngôn ngữ toàn diện. CLIL tạo điều kiện để người học phát triển đồng thời cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc và viết trong một ngữ cảnh thực tiễn. Việc học kiến thức học thuật bằng tiếng Trung giúp người học phản xạ ngôn ngữ tự nhiên hơn, tránh việc dịch qua tiếng mẹ đẻ. Theo Meyer (2010), CLIL cho phép học viên sử dụng ngôn ngữ mục tiêu để giao tiếp và học tập, từ đó cải thiện kỹ năng ngôn ngữ một cách bền vững.

Thứ hai, khuyến khích tư duy phản biện và học tập chủ động. CLIL không chỉ tập trung vào phát triển ngôn ngữ mà còn thúc đẩy tư duy phản biện qua các hoạt động như thảo luận, phân tích và trình bày ý tưởng. Marsh (2002) nhấn mạnh rằng phương pháp này giúp người học hình thành tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề, đồng thời khuyến khích họ tham gia tích cực vào quá trình học tập.

Thứ ba, mở rộng vốn từ vựng và kiến thức chuyên môn. Khi học tiếng Trung qua các môn học cụ thể như lịch sử, văn hóa hay khoa học, người học không chỉ mở rộng vốn từ vựng mà còn tiếp thu các kiến thức chuyên sâu. Coyle, Hood và Marsh (2010) cho rằng CLIL là công cụ hiệu quả để gắn kết việc học ngôn ngữ với các chủ đề thực tế, giúp người học ứng dụng kiến thức vào các tình huống giao tiếp đa dạng.

Thứ tư, phát triển sự tự tin và năng lực giao tiếp. Sử dụng tiếng Trung trong các tình huống học thuật giúp người học tự tin hơn khi giao tiếp. Họ được khuyến khích bày tỏ ý kiến và trình bày nội dung bằng tiếng Trung, từ đó nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế. Meyer (2010) cũng chỉ ra rằng CLIL giúp người học xây dựng sự tự tin thông qua các hoạt động giao tiếp đa chiều và mang tính thực tiễn cao.

3.2. Những thách thức khi áp dụng CLIL vào giảng dạy tiếng Trung

Thứ nhất, thiếu giáo viên có trình độ phù hợp.

Để áp dụng CLIL hiệu quả, giáo viên cần có kiến thức sâu rộng về cả nội dung chuyên môn và ngôn ngữ giảng dạy. Tuy nhiên, việc tìm kiếm những giáo viên vừa thành thạo tiếng Trung vừa nắm vững nội dung học thuật là một thách thức lớn. Ví dụ, trong lớp học tiếng Trung tích hợp nội dung về lịch sử văn hóa Trung Quốc, giáo viên không chỉ cần giỏi tiếng Trung mà còn phải hiểu biết sâu về các sự kiện lịch sử và cách truyền đạt chúng một cách dễ hiểu. Nguyễn và Nguyễn (2024) đã nhấn mạnh rằng sự thiếu hụt giáo viên có trình độ phù hợp là một rào cản lớn trong việc triển khai CLIL ở Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh thiếu các chương trình đào tạo chuyên môn bài bản.

Thứ hai, hạn chế về tài liệu giảng dạy. Tài liệu phục vụ cho phương pháp CLIL cần đáp ứng yêu cầu kép: vừa hỗ trợ học ngôn ngữ, vừa cung cấp nội dung học thuật. Tuy nhiên, tài liệu tiếng Trung tích hợp nội dung phù hợp vẫn còn khan hiếm. Chẳng hạn, tài liệu về các chủ đề khoa học hoặc nghệ thuật bằng tiếng Trung thường quá phức tạp đối với người học ở trình độ cơ bản. Điều này gây khó khăn cho giáo viên trong việc thiết kế bài giảng phù hợp với năng lực của học viên.

Thứ ba, áp lực về khối lượng công việc của giáo viên. Giáo viên CLIL phải dành nhiều thời gian hơn để nghiên cứu nội dung, thiết kế bài giảng và chuẩn bị tài liệu phù hợp. Điều này dẫn đến áp lực công việc lớn, ảnh hưởng đến động lực và chất lượng giảng dạy. Ví dụ, để chuẩn bị cho một bài giảng tích hợp nội dung về khoa học môi trường bằng tiếng Trung, giáo viên cần tìm hiểu thuật ngữ chuyên môn, soạn bài và thiết kế các hoạt động phù hợp với trình độ người học. Meyer (2010) cho rằng áp lực công việc là một trong những rào cản khiến nhiều giáo viên ngại áp dụng CLIL trong thực tế.

Thứ tư, sự đa dạng về trình độ ngôn ngữ của người học. Trong một lớp học, học viên thường có trình độ ngôn ngữ và khả năng tiếp thu khác nhau, từ đó gây khó khăn cho giáo viên trong việc điều chỉnh nội dung bài giảng. Điều này đòi hỏi giáo viên phải linh hoạt trong cách tổ chức lớp học, chẳng hạn như phân nhóm học viên dựa trên trình độ hoặc cung cấp các tài liệu hỗ trợ phù hợp.

Thứ năm, thiếu chương trình đào tạo chuyên môn cho giáo viên. Nhiều giáo viên chưa được đào tạo bài bản về CLIL, dẫn đến việc áp dụng phương pháp này chưa đạt hiệu quả tối ưu. Các chương trình đào tạo cần tập trung vào việc nâng cao kỹ năng thiết kế bài giảng tích hợp và kỹ năng

điều phối lớp học của giáo viên. Chỉ khi được hỗ trợ và hướng dẫn cụ thể, giáo viên mới có thể triển khai CLIL một cách hiệu quả.

Thứ sáu, rào cản văn hóa và ngôn ngữ. Trong các lớp học đa văn hóa, sự khác biệt về nền tảng văn hóa giữa giáo viên và học viên có thể ảnh hưởng đến việc truyền đạt nội dung học thuật bằng tiếng Trung. Điều này đặc biệt đúng với những chủ đề đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về bối cảnh văn hóa Trung Quốc.

3.3. Một số giải pháp để ứng dụng CLIL hiệu quả trong giảng dạy tiếng Trung

Thứ nhất, đầu tư vào đào tạo và nâng cao năng lực giáo viên. Giáo viên đóng vai trò trung tâm trong việc triển khai CLIL, do đó cần cung cấp các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm giúp họ phát triển kỹ năng tích hợp nội dung và ngôn ngữ. Các khóa học có thể tập trung vào việc thiết kế bài giảng tích hợp, quản lý lớp học đa trình độ và phát triển kỹ năng ngôn ngữ chuyên ngành. Ví dụ, giáo viên dạy lịch sử văn hóa Trung Quốc bằng tiếng Trung cần được hỗ trợ về cách sử dụng thuật ngữ và phương pháp giảng dạy nội dung một cách hiệu quả.

Thứ hai, phát triển tài liệu học tập tích hợp. Tài liệu học tập là nền tảng để triển khai CLIL thành công. Cần xây dựng các tài liệu tích hợp nội dung học thuật và tiếng Trung, đảm bảo tính phù hợp với trình độ của học viên. Các tài liệu này có thể bao gồm sách giáo khoa, bài đọc chuyên ngành đơn giản hóa và tài nguyên đa phương tiện như video hoặc podcast. Chẳng hạn, khi giảng dạy chủ đề khoa học môi trường, tài liệu cần sử dụng từ vựng dễ hiểu và hình ảnh minh họa để hỗ trợ việc tiếp thu nội dung.

Thứ ba, ứng dụng công nghệ vào giảng dạy. Công nghệ có thể giúp khắc phục hạn chế về tài liệu và môi trường học tập thực tế. Các nền tảng trực tuyến, như bài giảng ảo, video bài học, hoặc ứng dụng học ngôn ngữ, có thể cung cấp thêm nguồn tài liệu và tạo cơ hội cho học viên thực hành tiếng Trung trong các ngữ cảnh thực tế.

Ví dụ, học viên có thể tham gia các lớp học trực tuyến với giáo viên hoặc người bản ngữ, sử dụng công cụ thực tế ảo để mô phỏng các tình huống học tập đa dạng.

Thứ tư, xây dựng hệ thống hỗ trợ học viên đa trình độ. Để giải quyết sự đa dạng về trình độ ngôn ngữ, cần áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt. Giáo viên có thể phân nhóm học viên dựa trên năng lực ngôn ngữ, cung cấp tài liệu hỗ trợ phù hợp, hoặc sử dụng các nhiệm vụ học tập phân cấp. Điều này giúp đảm bảo rằng mọi học viên đều tham gia hiệu quả và đạt được mục tiêu học tập.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế và giao lưu văn hóa. CLIL có thể được hỗ trợ thông qua các chương trình giao lưu với các trường học hoặc tổ chức ở các quốc gia nói tiếng Trung. Điều này không chỉ giúp học viên tiếp xúc với ngữ cảnh thực tế mà còn tăng cường khả năng giao tiếp liên văn hóa, một yếu tố quan trọng trong việc học ngôn ngữ.

Thứ sáu, xây dựng chính sách và cơ chế hỗ trợ lâu dài. Chính sách giáo dục cần khuyến khích và tạo điều kiện cho việc triển khai CLIL, bao gồm việc cung cấp ngân sách cho đào tạo giáo viên, phát triển tài liệu và hỗ trợ cơ sở vật chất. Đồng thời, cần có các cơ chế đánh giá hiệu quả của phương pháp này để điều chỉnh và hoàn thiện việc triển khai.

IV. KẾT LUẬN

Phương pháp CLIL mang đến một hướng đi đầy triển vọng trong giảng dạy tiếng Trung, giúp người học phát triển đồng thời kỹ năng ngôn ngữ và tư duy học thuật. Dù vẫn đối mặt với những thách thức như sự thiếu hụt giáo viên chuyên môn, hạn chế tài liệu phù hợp và sự khác biệt trình độ giữa các học viên... nhưng CLIL có tiềm năng vượt qua các rào cản này nếu được triển khai một cách bài bản và khoa học. Khi áp dụng hiệu quả, CLIL không chỉ góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Trung mà còn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của giáo dục hiện đại trong bối cảnh toàn cầu hóa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cao, Y. (2021). *Exploring Content and Language Integrated Learning (CLIL) teaching materials in Chinese universities: Teachers and students perceptions and reflections*. International Journal of English and Literature, 12(3), 23-32.
- Coyle, D., Hood, P., & Marsh, D. (2010). *CLIL: Content and language integrated learning*. Cambridge University Press.
- Marsh, D. (2002). *CLIL/EMILE - The European dimension: Actions, trends and foresight potential*. University of Jyväskylä.
- Meyer, O. (2010). *Introducing the CLIL-Pyramid: Key strategies and principles for quality CLIL planning and teaching*. International CLIL Research Journal, 1(4), 1-16.
- Nguyễn, H. T., & Nguyễn, M. T. (2024). *Challenges in implementing CLIL in Vietnamese secondary schools: A teacher's perspective*. Journal of Foreign Studies, 48(2), 56-67.